

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN



THUYẾT MINH

**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN
VỮNG VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN, GIAI ĐOẠN 2021-2030**



Đồng Nai, năm 2021

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

---***---



THUYẾT MINH

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN, GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

CHỦ ĐẦU TƯ
VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
PHÂN VIỆN ĐIỀU TRA,
QUY HOẠCH RỪNG NAM BỘ
PHÂN VIỆN TRƯỞNG

Phạm Hồng Lượng

Đỗ Văn Thông

Đồng Nai, năm 2021

MỤC LỤC

Chương 1 ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	6
I. THÔNG TIN CHUNG.....	6
1. Tên đơn vị:.....	6
2. Địa chỉ:.....	6
3. Địa chỉ liên lạc:	6
4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của VQG Cát Tiên.....	6
5. Cơ cấu tổ chức của VQG Cát Tiên	9
II. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	11
1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng.....	11
2. Dân sinh, kinh tế, xã hội	15
3. Giao thông	19
III. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG.....	21
1. Hiện trạng sử dụng đất.....	21
2. Hiện trạng tài nguyên rừng	26
3. Dịch vụ môi trường rừng	30
4. Hiện trạng cơ sở vật chất.....	32
5. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện	36
Chương 2: ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT.....	43
I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	43
1. Quản lý rừng	43
2. Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.....	44
3. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	45
4. Phát triển rừng	45
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học.....	46
6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	52
7. Đánh giá chung kết quả thực hiện công tác quản lý bảo vệ, phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học	54
8. Nhận xét: Những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	55
II. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA VQG CÁT TIÊN	57
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.....	57
2. Phân khu phục hồi sinh thái.....	58
3. Phân khu dịch vụ hành chính.....	58

4. Vùng đệm:.....	59
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH	59
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công	59
2. Hạng mục nguồn kinh phí của VQG Cát Tiên	59
3. Hạng mục các nguồn chi của của VQG Cát Tiên, giai đoạn 2017- 2019 .	61
IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, XÁC ĐỊNH NHỮNG TỒN TẠI	
VUỐNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT	61
CHƯƠNG 3 NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT	
TRIỂN BỀN VỮNG	63
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	63
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	64
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương.....	64
2. Văn bản của địa phương	67
3. Cam kết quốc tế	68
III. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	68
1. Mục tiêu chung	68
2. Mục tiêu cụ thể	68
IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN	70
1. Kế hoạch sử dụng đất.....	70
2. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ	75
3. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	78
4. Kế hoạch phát triển rừng	88
5. Khai thác lâm sản (không áp dụng)	91
6. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.....	92
7. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	94
8. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.....	104
9. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng	109
10. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng...	111
11. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng	113
12. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng	115
V. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....	117
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch bảo tồn và phát triển bền vững	117
2. Nguồn vốn đầu tư	117
3. Phân kỳ đầu tư	119
VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	121
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực.....	121

2. Giải pháp phối hợp với các bên liên quan	122
3. Giải pháp về khoa học và công nghệ	122
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	123
5. Giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường	124
VII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	124
1. Hiệu quả về kinh tế	124
2. Hiệu quả về xã hội	125
3. Hiệu quả về môi trường	125
Chương 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	127
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	127
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	128
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	131
Phụ lục	136

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng nhân sự VQG Cát Tiên năm 2020	9
Bảng 2. Chỉ tiêu khí hậu khu vực VQG Cát Tiên	12
Bảng 3. Diện tích, dân số và lao động	15
Bảng 4. Hệ thống giao thông đường bộ bên trong VQG Cát Tiên	20
Bảng 7. Hiện trạng sử dụng đất VQG Cát Tiên năm 2020	22
Bảng 8. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp VQG Cát Tiên năm 2020	27
Bảng 9. Tổng trữ lượng và trữ lượng bình quân theo các trạng thái rừng	28
Bảng 5. Các đối tượng nhận chi trả dịch vụ môi trường rừng tại VQG Cát Tiên ..	30
Bảng 6. Tổng hợp diện tích, đối tượng, kinh phí chi trả DVMTR 2011-2020.....	31
Bảng 10. Thông kê hiện trạng cơ sở vật chất của VQG Cát Tiên	32
Bảng 11. Thống kê phương tiện, thiết bị.....	35
Bảng 13. Thống kê lượng khách du lịch và doanh thu du lịch 2011 – 2019	41
Bảng 14. Thống kê doanh thu du lịch 2011 – 2019 phân theo năm và loại dịch vụ	42
Bảng 12. Kết quả thực hiện phục hồi, phát triển rừng 2011 – 2019	45
Bảng 15. Phân bố các Taxon bậc ngành thực vật VQG Cát Tiên.....	47
Bảng 16. Tính đa dạng khu hệ động vật VQG Cát Tiên.....	49
Bảng 17. Kết quả tiếp nhận cứu hộ, tái thả động vật hoang dã	49
Bảng 18. Tình hình vi phạm bảo vệ và phát triển rừng VQG Cát Tiên từ 2011-2019	53
Bảng 19. Biến động các phân khu chức năng giữa Quyết định 1535/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/7/2021 và hiện trạng hiện nay	57
Bảng 20. Tổng hợp các nguồn kinh phí hoạt động của VQG Cát Tiên từ 2017 – 2019	60
Bảng 21. Tổng hợp các nguồn chi hoạt động của VQG Cát Tiên từ 2017 – 2019.	61
Bảng 22. Quy hoạch các phân khu chức năng VQG Cát Tiên	70
Bảng 23. Chu chuyển các phân khu chức năng VQG Cát Tiên.....	71
Bảng 24. Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	114
Bảng 25. Kế hoạch đổi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học.....	115
Bảng 26. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư cho kế hoạch quản lý rừng bền vững ...	117
Bảng 27. Phân nguồn vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.....	118
Bảng 28. Phân kỳ đầu tư cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.....	119

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1	BTTN	:	Bảo tồn thiên nhiên
2	BV&PTR	:	Bảo vệ và phát triển rừng
3	BVR	:	Bảo vệ rừng
4	CITES	:	Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora. Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
5	ĐDSH	:	Đa dạng sinh học
6	DLST	:	Du lịch sinh thái
7	ĐD	:	Đặc dụng
8	ĐNN	:	Đất ngập nước
9	DVMTR	:	Dịch vụ môi trường rừng
11	HCV	:	Khu rừng có giá trị bảo tồn cao
12	ILO	:	Tổ chức Lao động Quốc tế
13	IUCN	:	International Union for Conservation of Nature and Natural Resources. Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
18	NN và PTNT	:	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	PCCCR	:	Phòng cháy chữa cháy rừng
20	PH	:	Phòng hộ
21	PTNT	:	Phát triển nông thôn
22	QLBVR	:	Quản lý bảo vệ rừng
23	SĐVN	:	Sách đỏ Việt Nam
24	SX	:	Sản xuất
25	TNHHMTV	:	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
26	UBND	:	Ủy ban nhân dân
27	VQG	:	Vườn quốc gia

Chương 1

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VỀ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:

Vườn quốc gia Cát Tiên

2. Địa chỉ:

Trụ sở văn phòng làm việc của VQG Cát Tiên tại xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: (84-251) 3669 273;

Email: cattienvietnam@gmail.com;

Website: cattien.com.vn / namcattien.vn

4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của VQG Cát Tiên

4.1. Quyết định thành lập và quá trình điều chỉnh

- Ngày 07/7/1978, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 360/TTg về việc thành lập Khu rừng cấm Nam Bãi Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 13/01/1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ban hành Quyết định số 08/CT về việc thành lập VQG Cát Tiên trên cơ sở khu rừng cấm Nam Bãi Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 16/02/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 38/1998/QĐ-TTg về việc mở rộng VQG Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai về phía tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước và chuyển giao VQG Cát Tiên về Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý với tổng diện tích là 73.878 ha, bao gồm: Khu Nam Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai là 38.100 ha; Khu Tây Cát Tiên thuộc tỉnh Bình Phước là 5.143 ha; và Khu Cát Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng là 30.635 ha.

- Ngày 19/8/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 173/2003/QĐ-TTg điều chỉnh ranh giới VQG Cát Tiên, với diện tích sau điều chỉnh là 70.548 ha.

- Ngày 11/7/2011, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 1535/QĐ-BNN-TCLN duyệt dự án quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững VQG Cát Tiên giai đoạn 2010-2020 với diện tích của Vườn là 71.350 ha.

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 – 2016, sau khi các tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước thực hiện kiểm kê rừng, diện tích VQG Cát Tiên là 71.187,9 ha.

- Và hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang trình Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt mở rộng diện tích VQG Cát Tiên với diện tích dự kiến là 82.597,4 trong đó diện tích dự kiến mở rộng là 11.409,4 ha.

4.2. Chức năng nhiệm vụ

VQG Cát Tiên là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, có chức năng quản lý bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng; bảo tồn, cứu hộ, phát huy các giá trị đặc biệt về thiên nhiên, mẫu hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật, di tích lịch sử, văn hóa cảnh quan; nghiên cứu khoa học; cung ứng dịch vụ môi trường rừng và du lịch sinh thái thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật, cụ thể:

1) Quản lý bảo vệ, phát triển rừng

a) Trình Tổng cục trưởng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; điều chỉnh khu rừng đặc dụng; phát triển rừng bền vững thuộc phạm vi quản lý của Vườn;

b) Thực hiện bảo vệ hệ sinh thái rừng; phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tính đa dạng sinh học hiện có; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại rừng, môi trường, cảnh quan;

c) Tổ chức các hoạt động thu hút cộng đồng tham gia quản lý bảo vệ rừng, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân vùng đệm theo mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững;

d) Bảo vệ đầu nguồn phục vụ công trình thủy điện Trị An.

2) Bảo tồn các hệ sinh thái rừng, cứu hộ, phát triển sinh vật, phục hồi tài nguyên và cảnh quan thiên nhiên

a) Bảo tồn các hệ sinh thái rừng; phòng trừ bệnh dịch và sinh vật ngoại lai; phục hồi, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn các loài động, thực vật đặc hữu, quý, hiếm và các loài có nguy cơ tuyệt chủng;

b) Quản lý, bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên trong Vườn;

c) Phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng theo quy định của pháp luật;

d) Tiếp nhận, cứu hộ các loài bản địa hoặc các loài phù hợp với sinh cảnh tự nhiên của Vườn hoặc các loài phục vụ nghiên cứu khoa học;

đ) Nuôi cứu hộ, nuôi bán hoang dã nhằm tái thả sinh vật về môi trường tự nhiên và phục vụ và phục vụ nghiên cứu khoa học;

e) Lưu trữ, bảo tồn nguồn gen các loài nguy cấp, quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng;

f) Duy trì giống gốc, cung cấp nguồn giống cho phát triển gây nuôi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

a) Tổ chức, triển khai nghiên cứu khoa học về bảo vệ, bảo tồn, cứu hộ và phát triển động, thực vật rừng, đa dạng sinh học, đặc biệt là đối với các loài động, thực vật đặc hữu, quý, hiếm, nguy cấp;

b) Tổ chức các dịch vụ nghiên cứu khoa học, học tập và cung ứng giống cây rừng, động vật rừng từ hoạt động nghiên cứu khoa học tại Vườn;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

d) Suu tập, nuôi trồng thực nghiệm, bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật rừng hoang dã;

đ) Xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế về quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội; tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

e) Nghiên cứu xây dựng các mô hình lâm nghiệp trang trại, mô hình khuyến lâm, nông, ngư ở vùng đệm, mô hình làng du lịch, hướng dẫn chuyên giao kỹ thuật cho nhân dân trong cả nước.

4) Tổ chức hoạt động giáo dục môi trường và dịch vụ môi trường

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, dự án phát triển dịch vụ môi trường, du lịch sinh thái của Vườn và tổ chức thực hiện. Tạo nguồn thu từ du lịch để đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ, cứu hộ, bảo tồn và phát triển;

b) Tổ chức thực hiện và liên doanh, liên kết, cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái theo quy hoạch và quy định hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái và các tổ chức, cá nhân theo các hợp đồng ký kết;

c) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, môi trường, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn rừng cho khách du lịch và cộng đồng dân cư sống quanh Vườn; kiểm tra việc thực hiện các hoạt động quảng bá, tiếp thị để thu hút khách du lịch.

5) Quản lý tài chính, tài sản được giao; thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; cải cách hành chính theo quy định của Nhà nước.

6) Quản lý công chức, viên chức và người lao động; thực hiện chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp của Tổng cục trưởng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

7) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

8) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, phân cấp và Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.